

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/KDTM - PT
Ngày 14 – 9 -2020
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Quảng

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn
Ông Cao Văn Hiếu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Nguyễn Thị Tú Anh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLPT-KDTM ngày 04 tháng 8 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng thi công*”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 12/2020/KDTM- PT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 12/2020/QĐPT –KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Hợp tác xã Cơ khí và Xây dựng N

Địa chỉ: Khố phố L, thị trấn N, huyện D, tỉnh Q.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn N, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn N

Địa chỉ: đường L, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Ngọc G, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

**** Người kháng cáo:*** Công ty Trách nhiệm hữu hạn N, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trên cơ sở Hợp đồng nguyên tắc số 04/04/2015/HĐNT- CT ngày 05/4/2015 giữa hai bên, ngày 26/5/2015 Xí nghiệp Cơ khí và Xây dựng N, nay là Hợp tác xã Cơ khí và Xây dựng N (sau đây gọi tắt là Hợp tác xã N) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn N (sau đây gọi tắt là Công ty N) ký kết Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình số 04-NuocLang/2015-HĐ-GKXL. Theo đó, Hợp tác xã N nhận sản xuất và lắp đặt phần trên cầu treo thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Q, Giá trị theo Hợp đồng là 1.780.388.762 đồng.

Quá trình thi công, Công ty N đã thanh toán được 600.000.000đ bằng chuyển khoản 2 lần: 500.000.000đ vào ngày 25/6/2015 và 100.000.000đ vào ngày 22/7/2015.

Ngày 02/6/2018, đại diện theo pháp luật của hai bên ký Biên bản xác nhận công nợ. Sau khi trừ các khoản chi phí, hai bên xác định giá trị thi công xây lắp Hợp tác xã N thực hiện theo Hợp đồng là 1.499.227.728 đồng. Trừ số tiền 600.000.000đ đã thanh toán, hai bên xác nhận nợ gốc còn lại là 899.227.728đ và thỏa thuận đến ngày 20/6/2018 Công ty N chuyển thanh toán 65% tiền nợ. Tuy nhiên, Công ty N chỉ trả 50.000.000đ vào ngày 30/7/2019, số tiền còn lại chưa thanh toán. Theo Đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty N trả số tiền là 899.227.728đ. Quá trình giải quyết vụ án, kiểm tra đối chiếu nợ, Hợp tác xã Cơ khí và Xây dựng N yêu cầu số tiền 849.227.728đ.

Bị đơn Công ty N do ông Phạm Ngọc G đại diện tại Văn bản ngày 06/3/2020 và quá trình tham gia tố tụng xác nhận hai bên có ký Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình số 04-NuocLang/2015-HĐ-GKXL ngày 26/5/2015 như Hợp tác xã Cơ khí và Xây dựng N trình bày. Tuy nhiên, số tiền nguyên đơn yêu cầu giải quyết 899.227.728đ theo đơn khởi kiện là không chính xác bởi lẽ: hai bên chỉ mới xác nhận nợ chứ chưa tiến hành thanh lý hợp đồng; Hợp tác xã không làm hồ sơ hoàn công nên Công ty phải làm thay và chịu chi phí liên quan. Số tiền 50.000.000đ Công ty N chuyển trả ngày 30/7/2019 chưa được nguyên đơn khấu trừ theo đơn khởi kiện. Đối với yêu cầu của nguyên đơn, Công ty N sẽ tính toán lại các chi phí, trừ vào số nợ đã xác nhận và sẽ thanh toán cho Hợp tác xã khi chủ đầu tư là Ban Quản lý dự án 3 thuộc Bộ Giao thông Vận tải chuyển tiền thanh toán.

Hiện nay Công ty Trách nhiệm hữu hạn N đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng chưa làm thủ tục giải thể hay phá sản.

Với nội dung vụ án như trên, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2020/KDTM- PT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu đã quyết định:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 113 Luật Xây dựng; Điều 280 Bộ luật Dân sự; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự;

khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã Cơ khí và Xây dựng N đối với Công ty TNHH N.

Tuyên xử: Buộc Công ty TNHH N phải trả cho Hợp tác xã Cơ khí và Xây dựng N số tiền tổng cộng là 849.227.728đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và thi hành án dân sự.

Ngày 25/6/2020 Công ty N có Đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết những vấn đề sau: Tiến hành thanh lý hợp đồng; khấu trừ số tiền 279.900.000đ Công ty N đã chi, gồm: tiền thuế 149.900.000đ; tiền làm hồ sơ hoàn công 50.000.000đ; chi phí nghiệm thu cầu treo 30.000.000đ và 50.000.000đ Công ty N đã chuyển.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện bị đơn xác định số tiền 50.000.000 đồng chuyển ngày 30/7/2019 đã được giải quyết án tại bản án sơ thẩm nên không yêu cầu xem xét. Đại diện Công ty N kháng cáo đề nghị Hợp tác xã N khấu trừ số tiền 229.900.000 đồng.

Nguyên đơn Hợp tác xã N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận các yêu cầu trong đơn kháng cáo của Công ty N; các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện Kiểm sát cho rằng kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Do thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải tranh chấp của các đương sự trong hợp đồng vô hiệu, nên Tòa án nhân dân quận Hải Châu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của Công ty N trong thời hạn kháng cáo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Hải Châu căn cứ vào Hợp đồng giao khoán thi công xây dựng công trình số 04-NuocLang/2015-HĐ-GKXL hai bên ký kết ngày 26/5/2015 và Biên bản xác nhận công nợ ngày 02/6/2018, số tiền 50.000.000đ Công ty N chuyển vào ngày 30/7/2019, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã N, xử buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N trả cho Hợp tác xã Cơ khí và Xây dựng N số tiền 849.227.728 đồng. Quyết định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về kháng cáo của bị đơn: Công trình cầu Nước Lãng đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 10/2015, nghiệm thu hết thời gian bảo hành từ tháng 4/2019. Hợp tác xã N nhận thi công một phần công trình và Biên bản xác nhận nợ ngày 02/6/2018 không thể hiện các công việc, nghĩa vụ phải thực hiện như kháng cáo của bị đơn. Như vậy kháng cáo của Công ty N về việc đề nghị khấu trừ tiền thuế, tiền làm hồ sơ hoàn công và chi phí nghiệm thu là không có căn cứ, không phù hợp với pháp luật về thuế nên Hội đồng xét xử không chấp nhận, mà cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa.

[4] Án phí phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của Công ty N, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty N phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định pháp luật là 2.000.000đ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 113 Luật Xây dựng; Điều 280 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2020/KDTM-PT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã Cơ khí và Xây dựng N đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn N.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn N phải trả cho Hợp tác xã Cơ khí và Xây dựng N số tiền là 849.227.728đ (*tám trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm hai mươi bảy ngàn, bảy trăm hai mươi tám đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về Án phí:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 37.476.831đ (*ba mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi sáu ngàn, tám trăm ba mươi một đồng*).

Hoàn trả Hợp tác xã Cơ khí và Xây dựng Nam Phước số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 19.488.415đ (*mười chín triệu, bốn trăm tám mươi tám ngàn, bốn trăm mười lăm đồng*) theo Biên lai thu số 8887 ngày 24/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn N phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm 2.000.000đ, được trừ vào 2.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 9258 ngày 03/7/2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng. Công ty TNHH N đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tổ nghiệp vụ - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Quảng